

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

---

*Hà Nội, tháng 03 năm 2019*



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Thái Hòa	Chủ tịch
Ông Trương Hùng Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Bảo	Ủy viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Vũ Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Minh Thoa	Thành viên
Bà Lê Nguyễn Thùy Giang	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Bùi Thái Hòa	Giám đốc
Ông Phạm Thái Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiên Phong	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASCO - Chi nhánh Hà Thành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

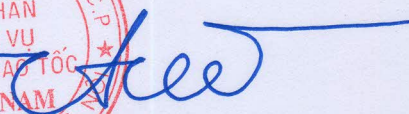
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Bùi Thái Hòa**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Số: /2019/ ASCO HT - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/03/2019, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2018, chúng tôi cũng bị giới hạn trong việc thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế đối với các khoản mục này. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 – Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018, một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền: 9.200.211.115 đồng chưa được công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Đây là các khoản nợ phải thu khó đòi thuộc diện phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với mức trích lập 100% giá trị theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



**Nguyễn Tùng Lâm**

**Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3958-2018-149-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

**Đàm Xuân Tùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3976-2017-149-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>114.361.986.422</b>	<b>109.628.133.662</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>503.450.783</b>	<b>4.262.858.853</b>
Tiền	111		503.450.783	4.262.858.853
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>36.700.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	36.700.000.000	27.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>64.300.905.023</b>	<b>61.647.281.621</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.495.219.626	41.335.316.838
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.763.791.418	1.734.132.418
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	49.300.799.847	23.296.738.233
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.258.905.868)	(4.718.905.868)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>12.521.570.138</b>	<b>16.426.370.494</b>
Hàng tồn kho	141		12.521.570.138	16.426.370.494
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>336.060.478</b>	<b>291.622.694</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	336.060.478	291.622.694
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>22.311.923.321</b>	<b>27.493.252.312</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.873.849.100</b>	<b>4.919.064.464</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7	4.873.849.100	4.919.064.464
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.666.301.813</b>	<b>12.248.279.601</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.666.301.813	12.248.279.601
- Nguyên giá	222		22.934.752.179	22.934.752.179
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.268.450.366)	(10.686.472.578)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.024.769.905</b>	<b>3.014.769.905</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.024.769.905	3.014.769.905
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	5.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.747.002.503</b>	<b>2.311.138.342</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.747.002.503	2.311.138.342
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>136.673.909.743</b>	<b>137.121.385.974</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>41.431.653.915</b>	<b>40.391.294.248</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.431.653.915</b>	<b>40.391.294.248</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	14.526.552.550	31.496.150.700
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		400.000.000	1.900.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.719.531.029	2.048.993.698
Phải trả người lao động	314		2.488.661.590	3.001.084.005
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	16.195.970.617	725.080.820
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		658.866.363	135.000.006
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	5.169.176.287	804.571.925
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		272.895.479	280.413.094
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>95.242.255.828</b>	<b>96.730.091.726</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>95.242.255.828</b>	<b>96.730.091.726</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.372.500.000	89.372.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.969.221.487	6.457.057.385
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.969.221.487	6.457.057.385
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>136.673.909.743</b>	<b>137.121.385.974</b>



**Bùi Thái Hòa**  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Xuân Hoàng**  
 Kế toán trưởng

**Phạm Thị Hiền**  
 Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>100.491.460.449</b>	<b>119.374.522.070</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>100.491.460.449</b>	<b>119.374.522.070</b>
Giá vốn hàng bán	11	19	88.699.088.578	106.130.703.264
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>11.792.371.872</b>	<b>13.243.818.806</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.167.702.714	2.220.782.000
Chi phí tài chính	22	21	14.405.751	65.818.077
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.405.751</i>	<i>65.818.077</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	7.561.849.508	6.915.757.741
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.383.819.327</b>	<b>8.483.024.988</b>
Thu nhập khác	31	23	90.909	3.454.545
Chi phí khác	32	24	130.706.701	303.380.694
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(130.615.792)</b>	<b>(299.926.149)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.253.203.535</b>	<b>8.183.098.839</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.283.982.047	1.726.041.454
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.969.221.487</b>	<b>6.457.057.385</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>556</b>	<b>722</b>



**Bùi Thái Hòa**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

*han*  
**Nguyễn Xuân Hoàng**  
**Kế toán trưởng**

*Phạm Thị Hiền*  
**Phạm Thị Hiền**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		6.253.203.535	8.183.098.839
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		581.977.788	493.981.057
Các khoản dự phòng	03		540.000.000	
Lãi hoạt động đầu tư	05		(2.167.702.714)	(2.220.782.000)
Chi phí lãi vay	06		14.405.751	65.818.077
Các điều chỉnh khác	07		200.982.385	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		5.422.866.745	6.522.115.973
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(3.109.638.651)	(13.834.169.204)
Tăng hàng tồn kho	10		3.904.800.356	(19.667.609)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.673.918.736	20.768.211.446
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		(480.301.945)	8.868.768
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.405.751)	(65.818.077)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.626.041.454)	(649.049.795)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(208.500.000)	(190.250.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		6.562.698.036	12.540.241.502
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.737.818.999)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71.868.430.556)	(38.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		67.168.430.556	30.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		248.102.644	2.220.782.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(4.451.897.356)	(7.617.036.999)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		(8.027.532.274)	12.077.054.151
Tiền trả nợ gốc vay	34		8.027.532.274	(18.142.088.655)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.870.208.750)	(5.041.733.125)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(5.870.208.750)	(11.106.767.629)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		(3.759.408.070)	(6.183.563.126)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	4.262.858.853	10.446.421.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4	503.450.783	4.262.858.853



**Bùi Thái Hòa**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Xuân Hoàng**  
Kế toán trưởng

**Phạm Thị Hiền**  
Người lập

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường Cao tốc Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0103022798 ngày 07/03/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi các lần và lần thay đổi thứ mười ba (14) ngày 26 tháng 10 năm 2017, mã số doanh nghiệp 0102680481.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 89.372.500.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Bùi Thái Hòa, sinh ngày 12/09/1978, quốc tịch Việt Nam, chứng minh nhân dân số 013303717 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/06/2010, chức vụ: Giám đốc.

Tại ngày 01/01/2018 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 252 người, tại ngày 31/12/2018 là 269 người.

Địa chỉ Công ty: Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Buôn bán, cho thuê máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Buôn bán sắt, thép, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, Chuẩn bị mặt bằng, ;
- Lắp đặt, Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khai thác, xử lý cung cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Dịch vụ Quảng cáo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Điều hành tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.2 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả, khoản vay tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/TT – BTC ngày 22/12/2014 về Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT – BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT – BTC. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể khó thu hồi do khách nợ mất khả năng thanh toán.

Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 146/2016/TT-BTC

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5
Tài sản cố định khác	5 - 15

**3.7 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian ước tính đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty và thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 CÁC KHOẢN CHI PHÍ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí phát sinh liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu (trừ các ảnh hưởng thuế) được ghi giảm trừ thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)*****Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**3.12 GHI NHẬN GIÁ VỐN**

Chi phí kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Giá vốn dịch vụ được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

**3.13 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**3.14 THUẾ*****Thuế giá trị gia tăng (VAT):***

Thuế GTGT đầu vào được kê khai và hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp:***

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.15 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả phải nộp khác.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	301.289.441	309.086.265
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	202.161.342	3.953.772.588
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<b>503.450.783</b>	<b>4.262.858.853</b>

**5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.700.000.000</b>	<b>36.700.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	36.700.000.000	36.700.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
	<b>36.700.000.000</b>	<b>36.700.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>18.495.219.626</b>	<b>41.335.316.838</b>
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương	1.131.104.236	1.131.104.236
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông và Thương mại AT	1.944.300.000	1.944.300.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Quảng Tây Trung Quốc	1.191.713.133	3.282.869.121
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng và Thương mại TLC	2.299.310.959	2.299.310.959
Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	3.820.557.635	12.956.904.447
Tổng công ty Xây dựng số 1-TNHH một thành viên	4.125.691.083	15.744.543.400
Công ty cổ phần Thiết bị Giao thông vận tải Vietraco	2.552.550.000	2.552.550.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.429.992.580	1.423.734.675
	<b>18.495.219.626</b>	<b>41.335.316.838</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49.300.799.847</b>	<b>(3.199.777.778)</b>	<b>23.296.738.233</b>	<b>(3.199.777.778)</b>
- Tạm ứng	707.005.672	-	3.322.391.712	-
- Công ty CP Chứng khoán Tràng An (*)	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Phải thu Doanh thu trích trước	40.106.890.320	-	11.379.870.386	-
- <i>Tổng Công ty xây dựng số 1-TNHH một thành viên (**)</i>	19.579.251.954	-	-	-
- <i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (***)</i>	20.486.807.273	-	11.379.870.386	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	870.452.193	-	1.024.736.667	-
- Phải thu Ông Bảo Việt Trung và Bà Đoàn Lệ Hoa (****)	4.366.335.634	-	4.366.335.634	-
- Phải thu khác	50.338.250	-	3.626.056	-
<b>Dài hạn</b>	<b>4.873.849.100</b>	-	<b>4.919.064.464</b>	-
- Phải thu về hợp tác kinh doanh	4.873.849.100	-	4.873.849.100	-
- <i>Công ty CP Khoáng sản XD Bắc Trung Nam</i>	3.873.849.100	-	3.873.849.100	-
- <i>Công ty CP Tập đoàn K-MS</i>	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	45.215.364	-
	<b>54.174.648.947</b>	<b>(3.199.777.778)</b>	<b>28.215.802.697</b>	<b>(3.199.777.778)</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>20.486.807.273</b>	-	<b>11.379.870.386</b>	-
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	20.486.807.273	-	11.379.870.386	-

(\*) Là khoản tiền chuyển nhượng 15.000.000 cổ phần của Công ty CP Fortika Trung Yên theo hợp đồng số 27122011/HĐCNCP/DCT-TAS kí kết giữa Công ty và Công ty CP Chứng khoán Tràng An. Tuy nhiên, Công ty CP Chứng khoán Tràng An không chuyển nhượng cổ phần theo điều khoản hợp đồng. Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An đã phá sản.

Ngày 07, 08 và ngày 10/01/2019, toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử ông Lê Hồ Khôi – Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Tràng An và đồng bọn về tội chiếm đoạt tài sản và tuyên phạt 18 năm tù. Do đó, việc khởi kiện ông Lê Hồ Khôi trong vụ án dân sự khi đang thụ án hình sự là rất khó và không khả thi để thu hồi số tiền nói trên.

## **CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

#### **7. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC (TIẾP)**

(\*\*) Là khoản phải thu phát sinh do công tác vận hành, bảo trì và thu phí 2 tuyến Nội Bài – Lào Cai và tuyến Đà Nẵng – Quảng Ngãi đang chờ Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, VEC phê duyệt quyết toán các năm 2015 – 2018.

(\*\*\*) Là khoản phải thu phát sinh do sản lượng công việc đã hoàn thành đang chờ thanh toán từ Tổng Công ty xây dựng số 1-TNHH một thành viên của công trình thi công xây lắp trạm dịch vụ Km67 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi: 4.474.015.455 đồng và công trình đường ven biển Hải Phòng: 16.012.791.818 đồng.

(\*\*\*\*) Đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 01-2012/11DCTVN-HDB ngày 20/11/2011 và Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 05-2012/DCTVN-HDB ngày 21/05/2015 tại ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo. Trong đó khoản gốc tiền gửi là: 3.600.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm và số tiền lãi dự thu đến ngày 31/12/2014 là 766.335.634 đồng.

Trên cơ sở đề xuất của ông Bảo Việt Trung – nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty và bà Đoàn Lệ Hoa – nguyên Trưởng phòng Tài chính kế toán, ngày 05/12/2018, Hội đồng quản trị VECS đã ra nghị quyết số 06/NQ – HĐQT thông nhất thời hạn nộp tiền trong vòng 01 năm đối với số tiền gốc 3.600.000.000 đồng. Về khoản tiền lãi Hội đồng quản trị sẽ trình Hội đồng cổ đông mức miễn giảm cho phù hợp với điều kiện hoàn trả số tiền gốc.

Đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán này, ông Bảo Việt Trung và bà Đoàn Lệ Hoa đã nộp vào tài khoản công ty số tiền 3.600.000.000 đồng

**CÔNG TY CỔ DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. NỢ XẤU**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
<b>Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>18.059.116.983</b>	<b>(5.258.905.868)</b>	<b>18.084.116.983</b>	<b>(4.718.905.868)</b>
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD và TM TLC (*)	2.299.310.959	(194.896.108)	2.299.310.959	-
- Công ty TNHH Quảng Cáo truyền thông và Thương mại AT (**)	1.944.300.000	-	1.944.300.000	-
- Ông Bảo Việt Trung & Bà Đoàn Lệ Hoa	4.366.335.634	-	4.366.335.634	-
- Công ty TNHH Thương mại Như Nguyễn	123.477.864	(123.477.864)	123.477.864	-
- Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn NHB	-	-	25.000.000	-
- Công ty CP SXKD VL xây dựng Phúc Minh	1.454.828.918	(1.454.828.918)	1.454.828.918	(1.454.828.918)
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng & BĐS Thái Bình Dương (***)	1.131.104.236	(95.993.606)	1.131.104.236	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giao thông vận tải Vietraco (****)	2.552.550.000	-	2.552.550.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Việt	68.118.908	(68.118.908)	68.118.908	-
- Công ty CPĐT và XNK Mỹ Sơn	797.500.000	-	797.500.000	-
- Công ty TNHH một thành viên 319.5	121.812.686	(121.812.686)	121.812.686	(64.299.172)
	<b>18.059.116.983</b>	<b>(5.258.905.868)</b>	<b>18.084.116.983</b>	<b>(4.718.905.868)</b>

(\*) Công ty đã ký hợp đồng thuê tư vấn luật khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại TLC nhằm thu hồi khoản công nợ này. Năm 2017 đã có phán quyết của tòa án. Năm 2018 cơ quan thi hành án phải ra quyết định số 31/QĐ-CCTHANDS ngày 07/08/2018 vì chưa có điều kiện thi hành án. Do vậy, đến nay vẫn chưa thu hồi được khoản tiền nào.

(\*\*) Công ty đang nỗ lực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ.

(\*\*\*) Công ty đã thuê tư vấn luật, chuẩn bị hồ sơ khởi kiện Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng & BĐS Thái Bình Dương nhằm thu hồi khoản công nợ này.

(\*\*\*\*) Công ty đã gửi đơn ra Chi cục thi hành án quận Thanh Xuân yêu cầu thi hành án đối với Công ty CP Thiết bị GTVT Vietraco nhưng chưa có kết quả. Đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán này, Công ty CP Thiết bị GTVT Vietraco đã trả thêm cho VECS 50.000.000 đồng

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>12.521.570.138</b>	-	<b>16.426.370.494</b>	-
- Giá trị hàng mục Cầu Giẽ - Ninh Bình (*)	6.885.175.173	-	6.885.175.173	-
- Đàm bảo ATGT, phân cách giữa, chống lóa A5,A7 (Quảng Tây)	1.783.748.464	-	1.947.383.592	-
- Thu phí Cầu Thái Hà (Tỉnh Thái Bình)	78.674.000	-	78.674.000	-
- Thi công Trạm dịch vụ Km67 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi	2.175.643.234	-	6.222.664.065	-
- Xây dựng Trạm Dịch vụ Bắc Quảng Ngãi	-	-	861.024.011	-
- Tổ chức công tác VHBT tuyến ĐN-QN từ Km 0 đến Km 65	-	-	415.747.289	-
- Công trình hoạt động 7 CT Đà Nẵng - Quảng Ngãi	26.027.182	-	15.702.364	-
- Công trình đường ven biển Hải Phòng	-	-	-	-
- Thu phí Cao tốc ĐN-QN từ Km 65 - Km 131+500	1.572.302.085	-	-	-
	<b>12.521.570.138</b>	-	<b>16.426.370.494</b>	-

(\*) Là chi phí thực hiện san lấp tạo mặt bằng tránh người dân tái chiếm để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ tại Cầu Giẽ - Ninh Bình phát sinh từ năm 2013. Dự án do Công ty Hanshin E&C làm chủ đầu tư và kết hợp với VECS để thực hiện. Tuy nhiên, ngày 16/07/2013 Công ty Hanshin E&C xin rút khỏi dự án. Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam chọn nhà đầu tư khác để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ. Ngày 25/06/2015, Công ty đã có Báo cáo số 120/BC-VECS gửi Tổng công ty kiến nghị được thanh toán phần chi phí trên. Công ty đã có Báo cáo số 4229/BC-VECS gửi Hội đồng thành viên Tổng công ty VEC kiến nghị thanh toán cho Công ty phần khối lượng đã thực hiện tại trạm dịch vụ Cầu Giẽ - Ninh Bình. Đến nay, Hội đồng thành viên Tổng công ty vẫn đang nghiên cứu phương án xử lý cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>332.326.569</b>	<b>291.622.694</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	140.537.447	81.120.172
Chi phí thuê văn phòng	191.789.122	204.509.299
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	5.993.223
<b>Dài hạn</b>	<b>2.750.736.412</b>	<b>2.311.138.342</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	390.386.078	461.680.486
Phí Bảo lãnh ngân hàng	32.434.148	75.178.854
Các khoản khác	3.733.909	-
Phân bổ chi phí san lấp mặt bằng mỏ Núi Cóc	1.532.443.457	1.532.443.457
Công trình Biển quảng cáo Nội Bài - Lào Cai	167.873.680	216.001.288
Công trình Biển quảng cáo Long Thành - Dầu Giây	25.834.257	25.834.257
Thuế thuê đất của trung tâm ĐH Vĩnh Phúc	598.030.883	-
	<b>3.083.062.981</b>	<b>2.602.761.036</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2018	15.195.244.504	593.630.364	5.414.447.583	78.656.217	1.652.773.511	22.934.752.179
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>31/12/2018</b>	<b>15.195.244.504</b>	<b>593.630.364</b>	<b>5.414.447.583</b>	<b>78.656.217</b>	<b>1.652.773.511</b>	<b>22.934.752.179</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2018	6.148.836.802	336.795.897	2.807.316.303	78.656.217	1.314.867.359	10.686.472.578
- Khấu hao trong năm (*)	-	-	581.977.788	-	-	581.977.788
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>31/12/2018</b>	<b>6.148.836.802</b>	<b>336.795.897</b>	<b>3.389.294.091</b>	<b>78.656.217</b>	<b>1.314.867.359</b>	<b>11.268.450.366</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2018	9.046.407.702	256.834.467	2.607.131.280	-	337.906.152	12.248.279.601
<b>31/12/2018</b>	<b>9.046.407.702</b>	<b>256.834.467</b>	<b>2.025.153.492</b>	<b>-</b>	<b>337.906.152</b>	<b>11.666.301.813</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 2.317.456.868 đồng.

(\*) Năm 2018, do không có doanh thu cho thuê Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc nên Công ty tạm ngừng trích khấu hao các tài sản tại khu vực này (trước đây Công ty cũng đã có văn bản xin ý kiến cục thuế HN tuy nhiên không có phản hồi). Năm 2019 sau khi hoàn tất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty sẽ hợp tác kinh doanh và có phát sinh doanh thu sẽ tiếp tục trích khấu hao.

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>3.024.769.905</b>	<b>3.024.769.905</b>	<b>3.014.769.905</b>	<b>3.014.769.905</b>
Hệ thống biển Quảng cáo Cầu Giẽ - Ninh Bình	553.632.094	553.632.094	553.632.094	553.632.094
Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000
Các hạng mục công trình khu dịch vụ Km171+500 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2.461.337.811	2.461.337.811	2.451.337.811	2.451.337.811
	<b>3.024.769.905</b>	<b>3.024.769.905</b>	<b>3.014.769.905</b>	<b>3.014.769.905</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>14.526.552.550</b>	<b>14.526.552.550</b>	<b>31.496.150.700</b>	<b>31.496.150.700</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản XD Bắc Trung Nam	3.794.586.473	3.794.586.473	3.606.814.673	3.606.814.673
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 6	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209
Công ty Cổ phần Xây lắp công nghiệp Nam Định	3.788.212.603	3.788.212.603	15.059.961.619	15.059.961.619
Công ty Cổ phần SUNCOM	102.498.250	102.498.250	3.143.232.000	3.143.232.000
Công ty Cổ phần Xây lắp 898	2.383.930.207	2.383.930.207	1.767.129.868	1.767.129.868
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina Asphalt	1.838.626.242	1.838.626.242	5.325.148.512	5.325.148.512
Các đối tượng khác	584.039.566	584.039.566	559.204.819	559.204.819
	<b>14.526.552.550</b>	<b>14.526.552.550</b>	<b>31.496.150.700</b>	<b>31.496.150.700</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>2.048.993.698</b>	<b>9.210.818.503</b>	<b>9.540.281.172</b>	<b>1.719.531.029</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	610.959.440	7.228.839.776	7.220.486.629	619.312.587
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.426.041.453	1.283.982.047	1.626.041.454	1.083.982.046
- Thuế thu nhập cá nhân	11.992.805	73.720.997	69.477.406	16.236.396
- Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	619.275.683	619.275.683	-
	<b>2.048.993.698</b>	<b>9.210.818.503</b>	<b>9.540.281.172</b>	<b>1.719.531.029</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,  
Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí Dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	823.690.472	725.080.820
Công trình đường ven biển Hải Phòng	15.372.280.145	-
	<b>16.195.970.617</b>	<b>725.080.820</b>

Chi phí phải trả là các khoản chi phí phải trả tương ứng với phần giá vốn trích trước khi Công ty thực hiện nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành trong quý 4/2018 với các nhà thầu phụ.

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	49.435.317	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.119.740.970	804.571.925
+ Phải trả tiền cổ tức	1.143.508.175	804.571.925
+ Các khoản phải trả khác	3.976.232.795	-
	<b>5.169.176.287</b>	<b>804.571.925</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thùy Dương	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Blue Point	11,19%	10.000.000.000	11,19%	10.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Đông Đô	3,36%	3.000.000.000	3,36%	3.000.000.000
Ông Lương Quốc Việt	2,01%	1.800.000.000	2,01%	1.800.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân Vina	1,59%	1.417.500.000	1,59%	1.417.500.000
Các cổ đông khác	14,72%	13.155.000.000	14,72%	13.155.000.000
	<b>100%</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>89.372.500.000</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	sau thuế	
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2017</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>6.046.805.992</b>	<b>96.319.840.333</b>
- Lãi trong năm	-	-	6.457.057.385	6.457.057.385
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.809.212.500)	(5.809.212.500)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(237.593.492)	(237.593.492)
<b>31/12/2017</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>6.457.057.385</b>	<b>96.730.091.726</b>
<b>01/01/2018</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>6.457.057.385</b>	<b>96.730.091.726</b>
- Lãi trong năm	-	-	4.969.221.487	4.969.221.487
- Trả cổ tức	-	-	(6.256.075.000)	(6.256.075.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(200.982.385)	(200.982.385)
<b>31/12/2018</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>4.969.221.487</b>	<b>95.242.255.828</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,  
Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	89.372.500.000	89.372.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	89.372.500.000	89.372.500.000
- Lợi nhuận đã chia	(6.457.057.385)	(6.046.805.992)

**17.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2018	01/01/2018
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**17.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	900.534.341	900.534.341

**18. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>100.491.460.449</b>	<b>119.374.522.070</b>
- Doanh thu hoạt động xây lắp	48.608.949.433	56.302.902.850
- Doanh thu dịch vụ	51.882.511.016	63.071.619.220
	<b>100.491.460.449</b>	<b>119.374.522.070</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>51.343.536.862</b>	<b>44.019.505.470</b>
+ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	51.343.536.862	44.019.505.470

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	42.678.891.362	54.050.916.924
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	46.020.197.216	52.079.786.340
	<b>88.699.088.578</b>	<b>106.130.703.264</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.167.702.714	2.220.782.000
	<b>2.167.702.714</b>	<b>2.220.782.000</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	14.405.751	65.818.077
	<b>14.405.751</b>	<b>65.818.077</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.139.230.608	4.172.800.183
Chi phí vật liệu quản lý	166.991.858	160.794.740
Chi phí đồ dùng văn phòng	147.755.603	169.882.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.790.304	168.835.051
Thuế phí, lệ phí	175.067.889	176.451.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.871.434.594	1.500.949.884
Chi phí bằng tiền khác	348.578.652	566.043.229
Chi phí dự phòng	540.000.000	-
	<b>7.561.849.508</b>	<b>6.915.757.741</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu phí chuyển nhượng cổ phần	90.909	3.454.545
	<b>90.909</b>	<b>3.454.545</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phạt thuế và truy thu thuế	-	265.895.694
Chi nộp phạt do vi phạm hợp đồng	-	37.485.000
Chi nộp tiền thuê đất	50.233.567	-
Chi phí khác	80.473.134	-
	<b>130.706.701</b>	<b>303.380.694</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.650.190.541	9.841.582.989
Chi phí nhân công	25.830.599.396	28.863.512.671
Chi phí công cụ dụng cụ	650.870.818	693.987.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	581.977.788	493.981.057
Thuế, phí lệ phí	479.870.258	281.648.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.795.032.032	7.347.040.459
Chi phí khác bằng tiền	954.216.924	1.078.158.316
Chi phí dự phòng	540.000.000	-
	<b>43.482.757.757</b>	<b>48.599.911.431</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.253.203.535</b>	<b>8.183.098.839</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>166.706.701</b>	<b>447.108.432</b>
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	36.000.000	36.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	130.706.701	411.108.432
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>6.419.910.236</b>	<b>8.630.207.271</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>6.419.910.236</b>	<b>8.630.207.271</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.283.982.047</b>	<b>1.726.041.454</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.969.221.487	6.457.057.385
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.937.250	8.937.250
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>556</b>	<b>722</b>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	503.450.783	4.262.858.853
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.700.000.000	32.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.972.439.781	66.228.727.823
	<b>109.175.890.564</b>	<b>102.491.586.676</b>
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	19.646.293.520	32.300.722.625
Chi phí phải trả	16.195.970.617	725.080.820
	<b>35.842.264.137</b>	<b>33.025.803.445</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>73.333.626.427</b>	<b>69.465.783.231</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro vốn (Tiếp)**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2018</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	19.646.293.520	-	19.646.293.520
Chi phí phải trả	16.195.970.617	-	16.195.970.617
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-
	<b>35.842.264.137</b>	<b>-</b>	<b>35.842.264.137</b>
<b>01/01/2018</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	32.300.722.625	-	32.300.722.625
Chi phí phải trả	725.080.820	-	725.080.820
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-
	<b>33.025.803.445</b>	<b>-</b>	<b>33.025.803.445</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương	503.450.783	-	503.450.783
Các khoản đầu tư tài chính	36.700.000.000	-	36.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu	67.098.590.681	4.873.849.100	71.972.439.781
	<b>104.302.041.464</b>	<b>4.873.849.100</b>	<b>109.175.890.564</b>
<b>01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương	4.262.858.853	-	4.262.858.853
Các khoản đầu tư tài chính	27.000.000.000	5.000.000.000	32.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu	61.309.663.359	4.919.064.464	66.228.727.823
	<b>92.572.522.212</b>	<b>9.919.064.464</b>	<b>102.491.586.676</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

**29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****29.1 Thông tin về các bên liên quan****Mối quan hệ với các bên liên quan****Bên liên quan**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam

**Mối quan hệ**

Cổ đông sáng lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**29.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp)**

**Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	972.922.227	847.357.957
Lương và phụ cấp	972.922.227	847.357.957

**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>20.486.807.273</b>	<b>11.379.870.386</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	20.486.807.273	11.379.870.386
<b>Khách hàng trả tiền trước</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	-	1.500.000.000

**29.2 Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm ngày 31/12/2018.

**29.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam đã được kiểm toán.



**Bùi Thái Hòa**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

*hamb*

**Nguyễn Xuân Hoàng**  
Kê toán trưởng

*Phạm Thị Hiền*

**Phạm Thị Hiền**  
Người lập

